

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

Bản án số: 330/2026/DS-ST
Ngày: 19 - 8 - 2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - CẦN THƠ.**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đặng Thành Sơn;
2. Ông: Hồ Thanh Trí.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Trân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2026/TLST-DS, ngày 07 tháng 5 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2026/QĐXX-ST, ngày 06 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần S tiền có ngay.

Địa chỉ: Số A, N, phường T, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT, chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần S tiền có ngay.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Võ Nguyễn Thế C, chức vụ: Nhân viên.

Địa chỉ: Số H, đường C, phường T, thành phố Cần Thơ.

2 Bị đơn: Mai Thái D, sinh năm 1994.

Địa chỉ: 3, ấp X, xã T, thành phố Cần Thơ.

Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/3/2025, bị đơn Mai Thái D có ký với Công ty cổ phần S tiền có ngay

(Gọi tắt là Công ty) chi nhánh C1 một hợp đồng cầm cố tài sản số BHM250301005NA20X, tài sản cầm cố là:

- 01 xe gắn máy.
- Loại xe VARIO INDO, màu trắng.
- Số khung: MH1JM5115LK624490;
- Số máy: JM51E1624407.
- Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy có biển số kiểm soát 95H1-593.21 theo Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 056350, do Công an huyện C, tỉnh Hậu Giang (Cũ) cấp ngày 09/10/2020, tên Mai Thái D. Giấy đăng ký xe Công ty đang giữ.
- Số tiền cầm cố là 15.053.191, đồng.
- Thời hạn cầm cố 12 tháng: Từ ngày 05/3/2025 đến ngày 05/3/2026, lãi suất 1,1%/tháng. Quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Công ty đã giải ngân số tiền trên cho bị đơn.

Do nhu cầu cần xe đi lại nên công ty có ký giấy cho bị đơn thuê lại xe sử dụng: Thời hạn từ ngày Từ ngày 05/3/2025 đến ngày 05/4/2025. Địa điểm trả lại xe là tại Chi nhánh C1. Giá thuê xe 812.872,34 đồng/01 tháng.

Sau khi cầm cố xe thì bị đơn đã thanh toán được 1.770.000 đồng bao gồm gốc và phí mượn xe. Sau đó bị đơn không tiếp tục thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng. Nhân viên công ty nhiều lần liên hệ nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán.

Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu bị đơn Mai Thái D có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tổng số tiền 24.938.775 đồng. Trong đó nợ gốc: 13.905.355 đồng. Lãi tính đến ngày 14/3/2026: Lãi trong hạn là 1.697.844 đồng, L quá hạn 86.832 đồng. Phí mượn xe 9.266.745 đồng.

Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì công ty yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là một xe gắn máy có thông tin nêu trên để công ty thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn trả tiền phí thuê xe và rút yêu cầu về việc yêu cầu bị đơn trả lại một xe mô tô có thông tin nêu trên.

Phần còn lại là yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 16.844.715 đồng. Trong đó nợ gốc 13.905.355 đồng. Lãi suất tính đến ngày 18/8/2026: Lãi trong hạn 1.677.449 đồng, quá hạn 1.261.911 đồng (Đã trừ lại 1.770.000 đồng bị đơn đã trả trước).

Đồng thời yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Sau khi bị đơn thanh toán hết các khoản nợ thì công ty sẽ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy có biển số kiểm soát 95H1-593.21 theo Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 056350, do Công an huyện C, tỉnh Hậu Giang (Cũ) cấp ngày 09/10/2020, tên Mai Thái D.

Quá trình tố tụng bị đơn Mai Thái D vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Mai Thái D được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 05 tháng 3 năm 2025, bị đơn Mai Thái D có ký với Công ty cổ phần S tiền có ngay (Gọi tắt là Công ty) hợp đồng cầm cố tài sản số BHM250301005NA20X, tài sản cầm cố là:

- 01 xe gắn máy.
- Loại xe VARIO INDO, màu trắng.
- Số khung: MH1JM5115LK624490;
- Số máy: JM51E1624407.
- Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy có biển số kiểm soát 95H1-593.21 theo Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 056350, do Công an huyện C, tỉnh Hậu Giang (Cũ) cấp ngày 09/10/2020, tên Mai Thái D.
- Số tiền cầm cố là 15.053.191 đồng.

[3.1] Sau khi ký hợp đồng thì bị đơn đã thanh toán cho công ty số tiền 1.770.000 đồng bao gồm gốc và lãi.

[3.2] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện việc yêu cầu bị đơn trả tiền phí thuê xe và rút yêu cầu về việc yêu cầu bị đơn trả lại một xe mô tô có thông tin nêu trên cho Công ty. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn là tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại

khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận và đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[3.3] Xét hợp đồng cầm cố được xác lập ngày 05 tháng 3 năm 2025, cùng ngày các đương sự tiếp tục giao kết hợp đồng mượn tài sản, theo đó bị đơn mượn lại tài sản cầm cố với thời hạn là 30 ngày. Tuy nhiên, từ lúc xác lập hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn tài sản đến nay, bị đơn không trả lại tài sản cầm cố đã mượn và không thực hiện đủ nghĩa vụ được bảo đảm là đã vi phạm nghĩa vụ được bảo đảm. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm là có căn cứ.

[3.4] Xét hợp đồng cầm cố tài sản là việc một bên (Bên cầm cố) giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia (Bên nhận cầm cố) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Tuy các đương sự không xác lập hợp đồng vay tài sản, nhưng thực chất hợp đồng cầm cố giữa các đương sự được xác lập là nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bị đơn đối với số tiền vay của nguyên đơn là 15.053.191 đồng được ghi nhận trong hợp đồng cầm cố. Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 1,1%/ tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản nợ quá thời hạn tất toán nhưng phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc theo định kỳ hàng tháng cũng như nợ lãi phát sinh là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 16.844.715 đồng (Đã trừ lại 1.770.000 đồng bị đơn đã trả trước). Trong đó nợ gốc 13.905.355 đồng. Lãi suất tính đến ngày 18/8/2026: Lãi trong hạn 1.677.449 đồng, quá hạn 1.261.911 đồng (Có bảng kê số tiền gốc và lãi kèm theo) là phù hợp với thỏa thuận của các đương sự và đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 19/8/2026 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[4] Bị đơn vắng mặt nên không có yêu cầu công ty trả lại các giấy tờ có liên quan đến xe cầm cố. Tuy nhiên, sau khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn cần giao trả lại bị đơn các giấy tờ có liên quan đến xe cầm cố hoặc dành quyền khởi kiện cho bị đơn thành một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch. Nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91 Điều 147, Điều 227, Điều 244 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Các Điều 309, 311, 314, 315, 424, 463, 466, 468, 494 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S tiền có ngay về việc yêu cầu bị đơn Mai Thái D trả tiền phí thuê xe và việc yêu cầu bị đơn trả lại một xe mô tô có Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy có biển số kiểm soát 95H1-593.21 theo Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 056350, do Công an huyện C, tỉnh Hậu Giang (Cũ) cấp ngày 09/10/2020, tên Mai Thái D.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn:

- Buộc Mai Thái D có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S tiền có ngay tổng số tiền là 16.844.715đ (Mười sáu triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn bảy trăm mười lăm đồng). Trong đó nợ gốc 13.905.355đ (Mười ba triệu chín trăm lẻ năm ngàn ba trăm năm mươi lăm đồng). Lãi suất tính đến ngày 18/8/2026: Lãi trong hạn 1.677.449đ (Một triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm bốn mươi chín đồng), lãi quá hạn 1.261.911đ (Một triệu hai trăm sáu mươi một ngàn chín trăm mười một đồng).

Thời gian trả nợ do Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 18 tháng 8 năm 2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về án phí: Mai Thái D phải nộp 842.235đ (Tám trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm ba mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty cổ phần S tiền có ngay được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 624.000đ (Sáu trăm hai mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008852, ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 34, Điều 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tp Cần Thơ;
- THADS tp Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14-Cần Thơ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Liêm